

Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ

*B, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Bội N, sinh năm 1967; ĐKTT: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981; ĐKTT: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Bội N và chị Trần Thị N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 12/9/2001 của UBND xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Bội N và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Trần Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Thị Bảo T, sinh ngày 07/10/2002 và Lê Phúc T, sinh ngày 27/5/2007 (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn của hai cháu T và T). Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Lê Bội N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

- Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh Lê Bội N đồng ý nộp. Số tiền án phí anh N phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000080 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Sau khi khấu trừ anh N được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Văn Long**